

Họ, tên:.....Số báo danh:.....

Mã đề thi 129

NỘI DUNG ĐỀ

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 06 trang giấy)

Câu 1: Cho biết N_0 là số lượng cá thể của quần thể sinh vật ở thời điểm khảo sát ban đầu (t_0), N_t là số lượng cá thể của quần thể sinh vật ở thời điểm khảo sát tiếp theo (t); B là mức sinh sản; D là mức tử vong; I là mức nhập cư và E là mức xuất cư. Kích thước của quần thể sinh vật ở thời điểm t có thể được mô tả bằng công thức tổng quát nào sau đây?

A. $N_t = N_0 - B + D + I - E$

B. $N_t = N_0 + B - D + I - E$

C. $N_t = N_0 + B - D - I - E$

D. $N_t = N_0 + B - D - I + E$

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng về sự phát sinh sự sống trên Trái Đất?

A. Sự sống đầu tiên trên Trái Đất được hình thành trong khí quyển nguyên thủy, từ chất hữu cơ phức tạp.

B. Quá trình phát sinh sự sống (tiến hoá của sự sống) trên Trái Đất gồm các giai đoạn: tiến hoá hoá học, tiến hoá tiền sinh học và tiến hoá sinh học.

C. Quá trình hình thành các hợp chất hữu cơ cao phân tử đầu tiên diễn ra theo con đường hoá học và nhờ nguồn năng lượng tự nhiên.

D. Các chất hữu cơ phức tạp đầu tiên xuất hiện trong đại dương nguyên thủy tạo thành các keo hữu cơ, các keo này có khả năng trao đổi chất và đã chịu tác động của quy luật chọn lọc tự nhiên.

Câu 3: Cho các ví dụ về mối quan hệ giữa các loài trong quần xã sinh vật:

(1) Tảo giáp nở hoa gây độc cho cá, tôm... sống trong cùng môi trường.

(2) Cây tầm gửi sống bám trên thân các cây gỗ trong rừng.

(3) Cây phong lan bám trên thân cây gỗ sống trong rừng.

(4) Vi khuẩn *Rhizobium* sống trong nốt sần ở rễ cây họ Đậu.

(5) Chim mỏ đỏ và linh dương.

Có bao nhiêu ví dụ thuộc về mối quan hệ hỗ trợ giữa các loài trong quần xã sinh vật ?

A. 3.

B. 2.

C. 5.

D. 4.

Câu 4: Kiểu phân bố nào sau đây **không** phải là kiểu phân bố cá thể của quần thể sinh vật trong tự nhiên?

A. Phân bố đồng đều.

B. Phân bố ngẫu nhiên.

C. Phân bố theo chiều thẳng đứng.

D. Phân bố theo nhóm.

Câu 5: Cho các nhân tố sau:

(1) Đột biến.

(2) Chọn lọc tự nhiên

(3) Các yếu tố ngẫu nhiên

(4) Giao phối ngẫu nhiên

Cặp nhân tố đóng vai trò cung cấp nguyên liệu cho quá trình tiến hóa là

A. (3) và (4).

B. (1) và (2).

C. (1) và (4).

D. (2) và (4).

Câu 6: Ở lúa, alen (A) quy định hạt dài trội hoàn toàn so với alen (a) quy định hạt tròn. Cho cây lúa nảy mầm từ hạt tròn giao phấn với cây lúa nảy mầm từ hạt dài, F_1 100% lúa hạt dài. Cho F_1 tự thụ phấn thu được thế hệ F_2 . Chọn ngẫu nhiên một cây nảy mầm từ hạt dài ở F_2 cho tự thụ phấn. Biết không có đột biến xảy ra. Tính theo lí thuyết, xác suất để thu được hạt dài ở thế hệ F_3 là

A. 1/6.

B. 1/9.

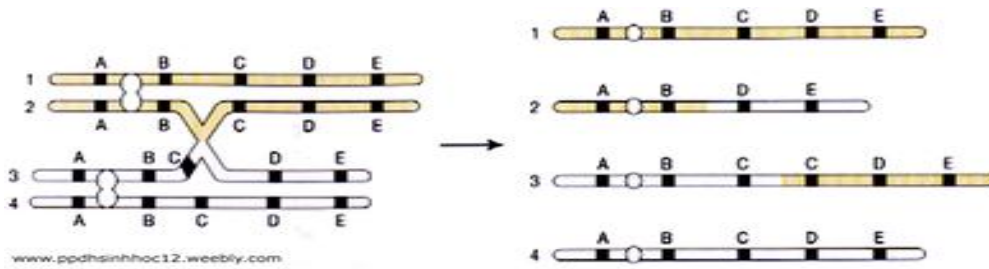
C. 5/6.

D. 1/3.

Câu 7: Ở một loài thực vật, alen (A) quy định quả tròn là trội hoàn toàn so với alen (a) quy định quả dài. Một quần thể đang ở trạng thái cân bằng di truyền có 600 cây trong đó có 84% cây quả tròn. Số cây có kiểu gen đồng hợp của quần thể này là

- A. 288. B. 312. C. 192. D. 96.

Câu 8: Mô tả nào là **đúng** cho cơ chế gây đột biến sắc thể (NST) theo hình dưới đây:



A. sự trao đổi chéo không cân giữa hai cromatit của cặp NST tương đồng xảy ra ở kì giữa của quá trình giảm phân lần 2.

B. sự trao đổi chéo không cân giữa hai cromatit của cặp NST không tương đồng dẫn đến đột biến mất và lặp đoạn.

C. sự trao đổi chéo không cân giữa hai cromatit của cặp NST tương đồng kép dẫn đến đột biến mất và lặp đoạn.

D. sự trao đổi chéo xảy ra giữa hai cặp NST tương đồng ở kì sau của quá trình giảm phân dẫn đến hoán vị gen.

Câu 9: Trong lưới thức ăn của một quần xã sinh vật trên cạn có 4 bậc dinh dưỡng, bậc dinh dưỡng nào sau đây có sinh khối nhỏ nhất?

- A. Bậc dinh dưỡng cấp 3. B. Bậc dinh dưỡng cấp 4.
C. Bậc dinh dưỡng cấp 2. D. Bậc dinh dưỡng cấp 1.

Câu 10: Khi nói về quá trình hình thành loài mới theo quan niệm thuyết tiến hoá hiện đại phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Hình thành loài bằng con đường sinh thái thường gặp ở thực vật và động vật ít di chuyển xa.

B. Hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hoá xảy ra phổ biến ở thực vật.

C. Hình thành loài bằng con đường cách li địa lý thường xảy ra một cách chậm chạp qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp.

D. Hình thành loài là quá trình tích lũy các biến đổi đồng loạt do tác động trực tiếp của ngoại cảnh hoặc do tập quán hoạt động của động vật.

Câu 11: Trong một phòng thí nghiệm sinh học phân tử, trình tự các axit amin của một protein *armadillo* đã được xác định một phần. Các phân tử tARN được sử dụng lần lượt trong quá trình tổng hợp có anticodon sau đây: 3'UAX5'; 3'XGA5'; 3'GGA5'; 3'GXU5'; 3'UUU 5'; 3'GGA5'. Trình tự nucleotide ADN của chuỗi bổ sung cho chuỗi ADN mã hóa cho protein *armadillo*.

A. 5'-TTG-GGT-XXT-XGA-AAA-XGT-3'. B. 5'-ATG-XXT-GGT-XGA-AAA-XXT-3'.

C. 5'-ATG-GXT-XXT-XGA-AAA-XXT-3'. D. 5'-ATG-GXT-GXT-XGA-AAA-GXT-3'.

Câu 12: Ở đậu Hà Lan, alen (A) quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen (a) quy định thân thấp; alen (B) quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen (b) quy định hoa trắng, các gen này nằm trên các nhiễm sắc thể thường khác nhau. Biết rằng không xảy ra đột biến, theo lí thuyết, trong các phép lai sau đây, số phép lai cho đời con có tổng số cây thân thấp, hoa trắng chiếm tỉ lệ 25%?

(1) AaBb × Aabb. (2) AaBB × aaBb. (3) Aabb × aaBb. (4) aaBb × aaBb.

A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 13: Trình tự nuclêôtit đặc biệt trong ADN của NST, là vị trí liên kết với thoi phân bào được gọi là

A. hai đầu mút NST.

B. tâm động.

C. eo thứ cấp.

D. điểm khởi đầu nhân đôi.

Câu 14: Đặc điểm nào dưới đây thuộc về cấu trúc của mARN?

- A. mARN có cấu trúc mạch đơn, cuộn xoắn, gồm 4 loại đơn phân A, U, G, X.
- B. mARN có cấu trúc mạch kép, dạng thẳng gồm 4 loại đơn phân A, U, G, X.
- C. mARN có cấu trúc mạch kép, dạng vòng, gồm 4 loại đơn phân A, T, G, X.
- D. mARN có cấu trúc mạch đơn, dạng thẳng, gồm 4 loại đơn phân A, U, G, X.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây là **đúng** về hệ sinh thái?

- A. Sự thất thoát năng lượng qua mỗi bậc dinh dưỡng trong hệ sinh thái là rất lớn.
- B. Trong hệ sinh thái, hiệu suất sinh thái tăng dần qua mỗi bậc dinh dưỡng.
- C. Trong hệ sinh thái, nhóm loài có sinh khối lớn nhất là sinh vật thuộc bậc dinh dưỡng cao nhất.
- D. Trong hệ sinh thái, năng lượng được sử dụng lại, còn vật chất thì không được sử dụng lại.

Câu 16: Cho các phương pháp sau:

- (1) Nuôi cấy mô tế bào.
- (2) Sinh sản sinh dưỡng.
- (3) Nuôi cấy hạt phấn rồi lưỡng bội hoá các dòng đơn bội.
- (4) Tự thụ phấn bắt buộc.

Ở thực vật, để duy trì năng suất và phẩm chất của một giống có ưu thế lai. Phương pháp sẽ được sử dụng là:

- A. (1), (3).
- B. (1), (2), (3).
- C. (1), (2), (3), (4).
- D. (1), (2).

Câu 17: Cho các phát biểu về đột biến gen

- 1. Tia UV làm cho hai bazơ nitơ Timin trên cùng một mạch liên kết với nhau.
- 2. Nếu sử dụng 5BU, thì sau ba thế hệ một codon XXX sẽ bị đột biến thành codon GXX.
- 3. Guanin dạng hiếm tạo nên đột biến thay thế G-X bằng A-T.
- 4. Virut có thể gây nên đột biến gen.
- 5. Để tạo đột biến tam bội người ta xử lý hợp tử $2n$ bằng consixin.

Có bao nhiêu phát biểu **ĐÚNG**?

- A. 1.
- B. 4.
- C. 2.
- D. 3.

Câu 18: Khi lai 2 cây đậu thơm lưỡng bội thuần chủng có kiểu gen khác nhau (P), thu được F_1 gồm toàn cây hoa đỏ. Cho các cây F_1 giao phấn với nhau, thu được F_2 có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 9 cây hoa đỏ : 7 cây hoa trắng. Có thể kết luận tính trạng màu sắc hoa được quy định bởi

- A. một gen có 2 alen, trong đó alen quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen quy định hoa trắng.
- B. hai cặp gen phân li độc lập, tương tác với nhau theo kiểu tương tác cộng gộp.
- C. hai cặp gen phân li độc lập, tương tác với nhau theo kiểu tương tác bổ sung.
- D. hai cặp gen liên kết, tương tác với nhau theo kiểu tương tác bổ sung.

Câu 19: Theo quan niệm hiện đại, các yếu tố ngẫu nhiên tác động vào quần thể

- A. luôn làm tăng tần số kiểu gen đồng hợp tử và giảm tần số kiểu gen dị hợp tử.
- B. không làm thay đổi tần số các alen của quần thể.
- C. làm thay đổi tần số các alen không theo một hướng xác định.
- D. luôn làm tăng tính đa dạng di truyền của quần thể.

Câu 20: Một đoạn của phân tử ADN mang thông tin mã hoá cho một chuỗi pôlipeptit hay một phân tử ARN được gọi là

- A. gen.
- B. anticodon.
- C. codon.
- D. mã di truyền.

Câu 21: Khi nói về thành phần cấu trúc của hệ sinh thái, kết luận nào sau đây **không** đúng?

- A. Các loài thực vật quang hợp được xếp vào nhóm sinh vật sản xuất.
- B. Sinh vật phân giải có vai trò phân giải các chất hữu cơ thành chất vô cơ.
- C. Các loài động vật ăn thực vật được xếp vào nhóm sinh vật tiêu thụ.
- D. Các loài vi sinh vật đều được xếp vào nhóm sinh vật phân giải.

Câu 22: Những giải pháp nào sau đây được xem là những giải pháp chính của phát triển bền vững, góp phần làm hạn chế sự biến đổi khí hậu toàn cầu?

- (1) Bảo tồn đa dạng sinh học.
- (2) Khai thác tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- (3) Ngăn chặn nạn phá rừng, nhất là rừng nguyên sinh và rừng đầu nguồn.
- (4) Sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- (5) Tăng cường sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

Các phương án **đúng** là:

- A. (2), (3). B. (1), (2), (5). C. (1), (3), (4). D. (2), (4).

Câu 23: Trong quần xã sinh vật, loài ưu thế là loài

A. chỉ có ở một quần xã nào đó mà không có ở các quần xã khác, sự có mặt của nó làm tăng mức đa dạng cho quần xã.

B. có tần suất xuất hiện và độ phong phú rất thấp nhưng sự có mặt của nó làm tăng mức đa dạng cho quần xã.

C. đóng vai trò thay thế cho các nhóm loài khác khi chúng suy vong vì nguyên nhân nào đó.

D. có tần suất xuất hiện và độ phong phú cao, sinh khối lớn, quyết định chiều hướng phát triển của quần xã.

Câu 24: Một nhóm các bạn học sinh làm thí nghiệm thực hành lai giống để nghiên cứu sự di truyền của một tính trạng ở một số loài cá cảnh. Công thức lai nào sau đây đã được các bạn học sinh bố trí **đúng**?

A. Cá kiếm mắt đen × cá không tước cái không có vây lưng hình dải dài.

B. Cá không tước có chấm màu × cá kiếm mắt đen.

C. Cá mún mắt xanh × cá không tước đực có vây lưng hình dải dài.

D. Cá không tước có chấm màu × cá không tước không có chấm màu.

Câu 25: Trong quần xã sinh vật, kiểu phân bố cá thể theo chiều thẳng đứng có xu hướng

A. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các loài, giảm hiệu quả sử dụng nguồn sống.

B. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các loài, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn sống.

C. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các loài, tăng hiệu quả sử dụng nguồn sống.

D. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các loài, giảm khả năng sử dụng nguồn sống.

Câu 26: Từ một nhóm tế bào sinh dưỡng ở thực vật, người ta có thể sử dụng các loại hoocmôn thích hợp và nuôi cấy trong những môi trường đặc biệt để tạo ra những cây trồng hoàn chỉnh. Đây là phương pháp

A. cây truyền phôi.

B. tạo giống bằng công nghệ tế bào.

C. tạo giống mới bằng công nghệ gen.

D. tạo giống mới bằng gây đột biến.

Câu 27: Có bao nhiêu phát biểu sau đây là **không** đúng với bằng chứng tiến hoá?

(1) Sự tương đồng về một số đặc điểm giải phẫu giữa các loài là bằng chứng gián tiếp cho thấy các loài sinh vật hiện nay được tiến hóa từ một tổ tiên chung.

(2) Cơ quan tương đồng là các cơ quan ở các loài khác nhau có chung nguồn gốc nhưng hiện tại có thể thực hiện các chức năng khác nhau và phản ánh sự tiến hóa phân li.

(3) Tế bào của tất cả các loài sinh vật trên Trái Đất đều có chung mã di truyền, có 4 loại nuclêôtit, chung 20 loại aa,...chứng tỏ chúng tiến hóa từ một tổ tiên chung. Đây là bằng chứng tế bào học.

(4) Hóa thạch cung cấp những bằng chứng trực tiếp về lịch sử phát triển của sinh giới, thông qua tuổi của hóa thạch để biết được loài nào xuất hiện trước, loài nào xuất hiện sau cũng như mối quan hệ họ hàng giữa các loài.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 28: Một quần thể thực vật lưỡng bội, ở thế hệ xuất phát (P) gồm toàn cá thể có kiểu gen (Aa). Nếu tự thụ phấn bắt buộc thì theo lí thuyết, cấu trúc di truyền của quần thể này ở thế hệ F₃ là

A. 0,4375AA : 0,125Aa : 0,4375aa.

B. 0,4375AA : 0,125aa : 0,4375Aa.

C. 0,25AA : 0,65aa : 0,125Aa.

D. 0,375AA : 0,25Aa : 0,375aa.

Câu 29: Cho các thông tin sau:

- (1) mARN sau phiên mã được trực tiếp dùng làm khuôn để tổng hợp protein.
- (2) Khi riboxom tiếp xúc với mã kết thúc trên mARN thì quá trình dịch mã hoàn tất.
- (3) Nhờ một enzym đặc hiệu, axit amin mở đầu được cắt khỏi chuỗi polipeptit vừa tổng hợp.
- (4) mARN sau phiên mã được cắt bỏ intron, nối các êxon lại với nhau thành mARN trưởng thành.

Có bao nhiêu thông tin về sự phiên mã và dịch mã là ĐÚNG với cả tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ?

- A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 30: Thành phần nào sau đây **không** thuộc thành phần cấu trúc của opêron Lac ở vi khuẩn *E. Coli*?

- A. Gen điều hoà (R) quy định tổng hợp prôtêin ức chế.
- B. Vùng khởi động (P) là nơi ARN pôlimeraza bám vào và khởi đầu phiên mã.
- C. Vùng vận hành (O) là nơi prôtêin ức chế có thể liên kết làm ngăn cản sự phiên mã.
- D. Các gen cấu trúc (Z, Y, A) quy định tổng hợp các enzym phân giải đường lactôzơ.

Câu 31: Một loài thực vật có tính trạng trội thích nghi với điều kiện môi trường hơn tính trạng lặn. Một quần thể của loài này có cấu trúc di truyền ở các thế hệ như sau:

Thế hệ	Thành phần kiểu gen		
	AA	Aa	aa
P	0,25	0,50	0,25
F1	0,25	0,50	0,25
F2	0,05	0,65	0,30
F3	0,2125	0,325	0,4625
F4	0,29375	0,1625	0,54375

Quần thể này đang chịu tác động của nhân tố tiến hóa nào dưới đây?

- A. Chọn lọc tự nhiên, yếu tố ngẫu nhiên.
- B. Giao phối không ngẫu nhiên và đột biến gen.
- C. Yếu tố ngẫu nhiên, giao phối không ngẫu nhiên.
- D. Giao phối ngẫu nhiên, yếu tố ngẫu nhiên, giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 32: Một loài hoa: gen A: thân cao, a: thân thấp, B: hoa kép, b: hoa đơn, D: hoa đỏ, d: hoa trắng. Trong di truyền không xảy ra hoán vị gen. Cho một cơ thể dị hợp các cặp gen lai phân tích thu được F_1 xuất hiện tỉ lệ 25% thân cao, hoa kép, trắng: 25% thân cao, hoa đơn, đỏ: 25% thân thấp, hoa kép, trắng: 25% thân thấp, hoa đơn, đỏ. Kiểu gen của bố mẹ là:

- A. $Bb \frac{Ad}{aD} \times bb \frac{ad}{ad}$. B. $Aa \frac{Bd}{bD} \times aa \frac{bd}{bd}$. C. $Aa \frac{BD}{bd} \times aa \frac{bd}{bd}$. D. $Bb \frac{AD}{ad} \times bb \frac{ad}{ad}$.

Câu 33: Một quần thể xuất phát có tỉ lệ của thể dị hợp (Bb) chiếm 60%. Sau một số thế hệ tự phối liên tiếp, tỉ lệ của thể dị hợp (Bb) còn lại bằng 3,75%. Số thế hệ tự phối đã xảy ra ở quần thể tính đến thời điểm nói trên là bao nhiêu?

- A. 4. B. 5. C. 2. D. 3.

Câu 34: Ở một loài động vật giao phối, xét phép lai P: ♂AaBbdd x ♀AaBbDD. Trong quá trình giảm phân của cơ thể đực, có một số tế bào xảy ra hiện tượng cặp nhiễm sắc thể mang cặp gen Aa không phân li trong giảm phân I, các sự kiện khác diễn ra bình thường; cơ thể cái giảm phân bình thường. Sự kết hợp ngẫu nhiên giữa các loại giao tử đực và cái trong thụ tinh tạo ra hợp tử có kiểu gen thuộc dạng $2n+1$ chiếm tỉ lệ 10%. Tính theo lí thuyết, tỉ lệ tế bào đột biến chiếm

- A. 20%. B. 30%. C. 10%. D. 15%.

Câu 35: Giả sử gen (B) ở sinh vật nhân thực gồm 2400 nuclêôtit và có số nuclêôtit loại adenin gấp 3 lần số nuclêôtit loại guanin. Một đột biến điểm xảy ra làm cho gen (B) bị đột biến thành alen (b). Alen (b) có chiều dài không đổi nhưng giảm đi 1 liên kết hiđrô so với gen (B). Số lượng từng loại nuclêôtit của alen (b) là:

A. $A = T = 299$; $G = X = 901$.

B. $A = T = 301$; $G = X = 899$.

C. $A = T = 899$; $G = X = 301$.

D. $A = T = 901$; $G = X = 299$.

Câu 36: Ở một loài thực vật lưỡng bội sinh sản bằng tự thụ phấn, alen (A) qui định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen (a) qui định hoa trắng. Thế hệ xuất phát của quần thể có tỉ lệ kiểu hình là 90% cây hoa đỏ: 10% cây hoa trắng. Ở thế hệ F_2 , tỉ lệ cây hoa trắng là 40%. Nếu ở F_2 các cây hoa đỏ giao phấn ngẫu nhiên thì tỉ lệ kiểu hình ở F_3 là

A. 3 cây hoa đỏ : 1 cây hoa trắng.

B. 35 cây hoa đỏ : 1 cây hoa trắng.

C. 34 cây hoa đỏ : 1 cây hoa trắng.

D. 9 cây hoa đỏ : 1 cây hoa trắng.

Câu 37: Cho cây hoa đỏ tự thụ phấn, đời F_1 có tỉ lệ 9 hoa đỏ : 3 hoa hồng : 3 hoa vàng : 1 hoa trắng. Nếu lấy một cây hoa đỏ ở F_1 tự thụ phấn thu được F_2 . Lấy ngẫu nhiên 1 cây ở F_2 , xác suất để thu được cây hoa trắng là

A. $1/81$.

B. $5/6$.

C. $1/9$.

D. $1/36$.

Câu 38: Một quần thể giao phối ở trạng thái cân bằng di truyền, xét một gen có hai alen (A và a). Quần thể này có số cá thể đồng hợp trội nhiều gấp 9 lần số cá thể đồng hợp lặn. Tỉ lệ phần trăm số cá thể dị hợp và đồng hợp trội trong quần thể lần lượt là:

A. 18,75 %; 81,75%.

B. 3,75 %; 75%.

C. 37,5 %; 56,25%.

D. 56,25 %; 37,5%.

Câu 39: Ở một loài thực vật lưỡng bội, alen (A) quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen (a) quy định thân thấp; alen (B) quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen (b) quy định hoa vàng. Cho 3 cây thân thấp, hoa đỏ (P) tự thụ phấn, thu được F_1 . Biết rằng không có đột biến xảy ra. Theo lí thuyết, trong các trường hợp về tỉ lệ kiểu hình sau đây, có tối đa bao nhiêu trường hợp phù hợp với tỉ lệ kiểu hình của F_1 ?

(1) 3 cây thân thấp, hoa đỏ : 1 cây thân thấp, hoa vàng.

(2) 5 cây thân thấp, hoa đỏ : 1 cây thân thấp, hoa vàng.

(3) 100% cây thân thấp, hoa đỏ.

(4) 11 cây thân thấp, hoa đỏ : 1 cây thân thấp, hoa vàng.

(5) 7 cây thân thấp, hoa đỏ : 1 cây thân thấp, hoa vàng.

(6) 9 cây thân thấp, hoa đỏ : 1 cây thân thấp, hoa vàng.

A. 4.

B. 6.

C. 3.

D. 5.

Câu 40: Ở ruồi giấm, hai gen (B) và (V) cùng nằm trên một cặp NST tương đồng trong đó (B) quy định thân xám trội hoàn toàn so với (b) quy định thân đen; (V) quy định cánh dài trội hoàn toàn so với (v) quy định cánh cụt. Gen (D) nằm trên NST giới tính X ở đoạn không tương đồng quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với (d) quy định mắt trắng. Cho ruồi cái thân xám, cánh dài, mắt đỏ giao phối với ruồi đực thân đen, cánh cụt, mắt trắng được F_1 có 100% cá thể mang kiểu hình giống ruồi mẹ. Các cá thể F_1 giao phối tự do thu được F_2 . Ở F_2 , loại ruồi đực có thân xám, cánh cụt, mắt đỏ chiếm tỉ lệ 1,25%. Nếu cho ruồi cái F_1 lai phân tích thì được F_a . Lấy ngẫu nhiên 1 cá thể ở đời F_a , xác suất để thu được loại ruồi đực có thân xám, cánh cụt, mắt đỏ là

A. 1,25%.

B. 2,5%.

C. 12,5%.

D. 25%.

----- HẾT -----

Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !

Đáp Án Mã đề: 129

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				